

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

-----o0o-----

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ BIDDING DOCUMENTS

Tên gói thầu./
Bidding package
name:

2025/MS36: Cung cấp bơm công nghiệp
2025/MS36: Supply of industrial pumps

Chủ đầu tư
/Bên mời thầu./
Investor
/Party calling for
tenders:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long./ Thang Long
Thermal Power Joint Stock Company

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN
THĂNG LONG ✓



QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Mạnh

Quảng Ninh, năm 2025

PHẦN I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU./ PART I. CONTRACTOR INSTRUCTIONS

Mục 1. Giới thiệu chung./ Section 1. General introduction

1. Bên mời thầu/Bên mua hàng hóa, dịch vụ:
1. Bidder/Buyer of goods and services:
 - **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long**
Thang Long Thermal Power Joint Stock Company
 - Địa chỉ : Xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
Address: Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province, Vietnam.
 - Điện thoại : 024 3513 2418 Fax :
Phone : 024 3513 2418 Fax:
 - Tài khoản số : 9910686868
Account number : 9910686868
 - Mở tại NH : VPBank - Hội sở chính
Open at bank : VPBank - Head office
 - Mã số thuế : 5700669596
Tax code : 5700669596
 - Đại diện là Ông: **Nguyễn Văn Mạnh**
Representative is Mr. Nguyen Van Manh
 - Chức vụ: Quyền Tổng Giám Đốc (Theo giấy Ủy quyền số 05/2024/UQ-TLP ngày 25/9/2024).
Position: Acting General Director (According to Authorization letter No. 05/2024/UQ-TLP dated September 25, 2024).
2. Tên gói thầu: 2025/MS36: Cung cấp bơm công nghiệp.
2. Package name: 2025/MS36: Supply of industrial pumps.
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
3. Contract type: Fixed unit price contract.
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.
4. Contract implementation period: 30 day.

Mục 2. Hồ sơ chào giá./ Section 2. Bidding documents

Hồ sơ chào giá do nhà thầu chuẩn bị bao gồm các thành phần sau:
The bidding documents prepared by the contractor include the following components:

2.1. Thành phần, nội dung của HSCG

1. Biểu giá chào: Theo biểu mẫu 01 kèm theo HSMCG
2. Tài liệu Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng

3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đáp ứng theo yêu cầu tại HSMCG này. Chi tiết yêu cầu tại biểu mẫu 01 kèm theo HSMCG

4. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu tại HSMCG này.

5. Các nội dung khác về:

- Thời gian hiệu lực của HSCG;
- Thời gian, địa điểm, phương thức, tiến độ giao hàng;
- Các điều khoản về bảo lãnh thực hiện Hợp đồng; Tạm ứng, thanh toán ...
- Các nội dung khác.

2.1. Composition and content of HSCG

1. Offer price list: According to form 01 attached to HSMCG

2. Documents Documents proving the eligibility of the person signing the offer

3. Documents proving the contractor's capacity and experience meet the requirements in this HSMCG. Details required in form 01 attached to HSMCG

4. Documents proving the satisfaction of goods and services as required in this HSMCG. Details required in form 01 attached to HSMCG.

5. Other contents about:

- Validity period of HSCG;
- Time, location, method, delivery schedule;
- Terms of contract performance guarantee; Advances, payments...
- Other contents.

2.2. Quy cách của hồ sơ chào giá

2.2.1. Nộp hồ sơ bằng bản cứng:

Hồ sơ chào giá phải được đựng trong bì kín, được niêm phong theo quy cách của Nhà thầu.

- Trên túi niêm phong, nhà thầu cần ghi rõ các thông tin sau:
- Tên nhà thầu:
- Địa chỉ nhà thầu:
- Số điện thoại liên hệ:
- Tên gói thầu:
- Ghi rõ "Bản gốc" hoặc "Bản chụp"

2.2.2. Nộp hồ sơ bằng email (chỉ áp dụng khi đã nộp bản cứng):

Trong trường hợp nhà thầu đã gửi bản cứng niêm phong trước thời gian đóng thầu (căn cứ theo dấu bưu điện), đến thời điểm đóng thầu/mở thầu mà Bên mời thầu chưa nhận được hồ sơ, nhà thầu có thể gửi thêm bản mềm qua email.

File mềm gửi qua email phải được đặt mật khẩu.

Nội dung của bản chào giá trong email phải hoàn toàn giống với bản cứng đã niêm phong.

Trên tiêu đề email, nhà thầu cần ghi rõ các thông tin tương tự như trên túi niêm phong của bản cứng.

Bên mời chào giá sẽ yêu cầu cung cấp mật khẩu trong thời gian mở thầu.

Lưu ý quan trọng:

Khi đối chiếu hồ sơ, nếu nội dung giữa bản cứng niêm phong và bản mềm gửi qua email có sự khác biệt, hồ sơ của nhà thầu sẽ bị loại.

Việc gửi bản mềm qua email chỉ là hình thức bổ sung và không thay thế cho việc nộp bản cứng.

2.2. Specifications of bidding documents

2.2.1 The bid document must be contained in a sealed envelope.

Bidding documents must be contained in sealed envelopes according to the Contractor's specifications..

- *The following information must be clearly indicated on the sealed envelope:*
- *Bidder's Name*
- *Bidder's Address*
- *Contact Phone Number*
- *Package/Project Name*
- *Indicate "Original" or "Copy"*

2.2.2. Submit application by email (only applicable when hard copy has been submitted):

In case the contractor has sent a sealed hard copy before the bid closing time (based on the postmark), and at the bid closing/bid opening time but the Bid Procuring Entity has not received the documents, the contractor can send additional soft copies via email.

Soft files sent via email must be password protected.

The content of the email quotation must be exactly the same as the sealed hard copy.

On the email subject, the contractor should clearly state the same information as on the sealed envelope of the hard copy.

The bidding party will request a password during the bid opening time.

Important note:

When comparing documents, if the content between the sealed hard copy and the soft copy sent via email is different, the contractor's documents will be rejected.

Sending soft copies via email is only a supplement and is not a substitute for submitting sealed hard copies.

Mục 3. Các quy định khác./ Section 3. Other regulations

3.1. Làm rõ, sửa đổi HSMCG:

- Nhà thầu cần làm rõ nội dung của HSMCG có thể gửi yêu cầu vào mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn. Hoặc liên hệ trực tiếp theo số điện thoại: 0936. 677.838;
- Trường hợp sửa đổi HSMCG, bên mời thầu sẽ gửi nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSMCG không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời

điểm đóng thầu. Trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời thầu sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu.

3.1. Clarifying and amending HSMCG:

- Contractors who need to clarify the content of the HSMCG can send a request to email: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn. Or contact directly at phone number: 0936. 677.838;
- In case of amending the HSMCG, the bid solicitor will send the revised content to all contractors who have received the HSMCG no later than 03 working days before the bid closing date. In case it is not enough 03 working days, the bid solicitor will extend the bid closing time.

3.2. Nộp, rút, điều chỉnh HSCG, giá chào

- Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSCG của tất cả nhà thầu nộp HSCG trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu nộp HSCG sau thời điểm đóng thầu thì HSCG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu;
- Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSCG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu;
- Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSCG thì nhà thầu nộp HSCG thay thế hoặc HSCG sửa đổi cho bên mời thầu.

*** Địa chỉ nộp HSCG:**

- Phòng Kinh doanh – Mua sắm CTCP Nhiệt điện Thăng Long
- Địa chỉ : Xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại : 024 3513 2418
- Hòm thư nhận HSCG dạng file:
KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn

3.2. Deposit, withdraw, adjust HSCG, offer price

- The bid solicitor will receive the bids from all bidders who submit bids before the bid closing time. In case the contractor submits the HSCG after the bid closing time, the HSCG will be rejected and returned to the contractor in its original state;
- After submission, the bidder can withdraw the bidding documents by sending a written notice signed by the bidder's legal representative to the bid solicitor before the bid closing time;
- Before the bid closing time, if it is necessary to amend or replace the HSCG, the bidder shall submit the replacement HSCG or revised HSCG to the bid solicitor.

*** Address for submitting HSCG:**

- Sales and Procurement Department of Thang Long Thermal Power Joint Stock Company
- Address: Le Loi Commune, Ha Long City, Quang Ninh Province, Vietnam.
- Phone: 024 3513 2418
- Email to receive HSCG files: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn

3.3. Mở chào giá:

Việc mở thầu do Bên mời thầu thực hiện có sự tham gia của các Phòng chức năng và Ban giám đốc.

3.3. Opening bids:

The bid opening is carried out by the Procuring Entity with the participation of functional departments and the Board of Directors

3.4. Làm rõ HSCG:

- Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSCG theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSCG của nhà thầu;
- Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp và không thay đổi giá chào.

3.4. Clarifying HSCG:

- After bid opening, the contractor is responsible for clarifying the HSCG at the request of the bidding party. The bidding party will request the contractor in writing to clarify the contractor's HSCG;
- The clarification must ensure that it does not change the nature of the bidder, does not change the basic content of the submitted HSCG and does not change the offered price.

3.5. Giải quyết các kiến nghị trong chào giá

Địa chỉ nhận kiến nghị và thông tin về người có thẩm quyền:

- Người có thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn Mạnh. Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc
- Bộ phận thường trực giúp việc: Phòng Kinh doanh – Mua sắm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long
- E-mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn.

3.5. Resolve recommendations in bidding

Address to receive petitions and information about competent persons:

- Authorized person: Mr. Nguyen Van Manh. Position: Acting General Director
- Standing assisting department: Sales - Procurement Department of Thang Long Thermal Power Joint Stock Company
- E-mail: KDMS_Sale_Procurement_dept@thanglongpower.vn.



PHẦN II. CÁC YÊU CẦU CHI TIẾT/ĐÁNH GIÁ
PART II. DETAILED REQUIREMENTS/ASSESSMENT

Mục 1: Các yêu cầu chung./ Section 1: General requirements

TT./No	Nội dung./ Content	Thông số./ Parameter	Ghi chú./ Note
1	Thời gian đóng/mở thầu Bid opening/closing time	14h00 ngày tháng năm 2025 14:00 , 2025	
2	Thời gia hiệu lực của HSCG Validity period of HSCG	30 ngày./ 30 days	
4	Bảo đảm chào giá./ Price guarantee	Không yêu cầu Not required	
5	Bảo đảm thực hiện hợp đồng./ Guarantee of contract performance	Không yêu cầu Not required	

Mục 2. Yêu cầu phạm vi, tiến độ cung cấp, giao hàng

Section 3. Requirements for scope, supply schedule, and delivery

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phạm vi cung cấp	Có khả năng cung cấp/chào đầy đủ về chủng loại, số lượng vòng bi mời chào giá theo hồ sơ này	Biểu giá chào không đầy đủ chủng loại, số lượng
2	Tiến độ cung cấp	Cung cấp toàn bộ số lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.	Thời gian cung cấp 1 hoặc nhiều bơm > 30 ngày

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3	Giao hàng	- Địa điểm giao hàng: Kho hàng CTCP Nhiệt điện Thăng Long tại xã Lê Lợi, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Nhà thầu có trách nhiệm hạ hàng, xếp xuống vị trí tập kết tại kho hàng. - Bên mua hỗ trợ xe nâng hạ	Điều kiện giao hàng không đáp ứng yêu cầu hoặc kèm theo điều kiện

Mục 3. Các yêu cầu chung về kỹ thuật, bảo hành

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Chất lượng	Hàng chính hãng, mới 100% sản xuất từ năm 2022 đến 2025	Hàng không chính hãng, đã qua sử dụng sản xuất trước năm 2022
2	Các giấy tờ kèm theo để đánh giá về nguồn gốc, chất lượng hàng hóa		
-	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO)	Có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO): Bản gốc Hoặc giấy tờ tương đương khác: Bản gốc	Không có
-	Chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ)	Có chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ): Bản gốc Hoặc giấy tờ tương đương khác: Bản gốc	Không có
3	Quy cách	Chào đúng quy cách nêu tại biểu mời chào giá. Hoặc hàng tương đương (theo ký hiệu của từng hãng). Nhà thầu cung cấp tài liệu và chịu trách nhiệm về tính tương đương.	Chào sai quy cách và/hoặc quy cách chào không tương đương

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
4	Bảo hành	- Thời gian bảo hành: 12 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Điều kiện bảo hành: Theo các quy định của hãng.	- Thời gian bảo hành < 12 tháng. - Không cam kết bảo hành theo các quy định của hãng và/hoặc kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho bên mua

Chi tiết quy cách yêu cầu tại Biểu giá chào chi tiết. Nhà thầu căn cứ quy các yêu cầu để chào đúng loại yêu cầu hoặc hàng tương đương.

Mục 4. Các điều kiện về tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán

Section 4. Conditions on advance payment, acceptance and payment

Nhà thầu tham gia chào giá cung cấp dịch vụ tuân thủ các quy định sau về thanh toán:

Contractors participating in bidding to provide services comply with the following regulations on payment:

TT. No	Nội dung./ Content	Quy định./ Regulations
1	Tạm ứng./ Advance	Không tạm ứng./ No advance payment
2	Nghiệm thu./ Acceptance	Nghiệm thu theo từng đợt giao hàng./ Acceptance according to each delivery batch./
3	Thanh toán./ Pay	Thanh toán theo từng đợt giao hàng. Thanh toán trong vòng 40-50 ngày kể từ ngày giao hàng, nghiệm thu và Bên thuê dịch vụ nhận được hồ sơ thanh toán./ Payment within 40-45 days from the date of acceptance and the Service Hiring Party receives the payment documents.
4	Hồ sơ thanh toán gồm: - Giấy đề nghị thanh toán: 01 bản gốc. - Biên bản nghiệm thu: 04 bản gốc - Giấy tờ về nguồn gốc, xuất xứ hoặc các giấy tờ tương đương khác: Bản gốc. - Cam kết bảo hành - Hóa đơn VAT. <i>Payment documents include:</i>	

- <i>Payment request form: 01 original.</i> - <i>Acceptance minutes: 04 originals</i> - <i>Documents on origin or other equivalent documents: Original.</i> - <i>Warranty commitment</i> - <i>VAT invoice.</i>	
--	--

PHẦN III. MẪU BIỂU GIÁ CHÀO

I. Biểu mẫu đơn chào giá

Thông tin về Cty tham gia chào giá

Số:

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời chào giá và văn bản sửa đổi hồ sơ mời chào giá ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời chào giá. Chi tiết giá chào như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Đơn giá chào	Ghi chú
1	Tổng giá chào trước thuế			- Đơn giá cố định. - Chi tiết biểu giá kèm theo đơn giá chào này.
2	Thuế VAT			
3	Tổng giá chào sau thuế			

Tiến độ cung cấp: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
 2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
 4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
 5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.
- Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

II. Biểu giá chào chi tiết

Thông tin về Cty tham gia chào giá

Số:

BIỂU GIÁ CHÀO CHI TIẾT

Gói thầu:

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
1	1401.01.0504	Bơm nước (bơm chìm) (Động cơ P=9,2KW, 50Hz, 400V, 20,7A, IP68) (Bơm, lưu lượng 18,5- 59,4m3/h, H=77,1-72,3m)	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: Model 6S70-9 Pentax						
-		Công suất: 9.2kw						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Lưu lượng max: 50m ³ /h						
-		Cột áp: 17-30mm						
-		Đường kính họng xả: 145mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: Thép không rỉ SUS316 - Buồng bơm: Thép không rỉ SUS316 (cánh bơm, thép DUPLEX) - Dây quấn: kiểu roto lồng sóc						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: (phốt cao su làm kín)						
-		Điện áp sử dụng: 380v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện): IP68						
-		Bảo hành: 12 tháng						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for soliciting bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
2	0307.01.0013	Máy bơm trục đứng đa tầng cánh / Vertical multistage pump	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: CDLF-200-20-2AFSWSC,						
-		Công suất: 45kw						
-		Lưu lượng max: 200m3/h						
-		Cột áp: 49m						
-		Đường kính họng xả: DN150mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: Thép SUS304 - Buồng bơm: Thép SUS304 (cánh bơm thép DUPLEX						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		- Dây quấn: kiểu roto lồng sóc						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: (dùng vành chèn cơ khí)						
-		Điện áp sử dụng: 380v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện) IP56						
-		Bảo hành: 12 tháng						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
3	1101.01.1569	Máy bơm chìm / Submersible pump lưu lượng 121,8 m3/h, cột áp 31m, cấp bảo vệ: F, công suất: 7.5kw/380v, họng xả 150mm, tốc độ quay 2900v/p, môi chất: chất lỏng/ flow 121.8 m3/h, pressure head 31m, protection level: F, capacity: 7.5kw/380v, discharge 150mm,	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
		rotation speed 2900v/p, medium: liquid						
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: KTZ 67.5-53						
-		Công suất: 7.5kw						
-		Lưu lượng max: 121.8kw						
-		Cột áp: 31m						
-		Đường kính họng xả DN150mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: Thép không gỉ 316 - Buồng bơm: Thép không gỉ 316 - Cánh bơm thép Duplex - Dây quấn: Đồng bọc lớp chống ăn mòn						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí. Silicon						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for soliciting bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu/ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Carbide kẹp chống mài mòn						
-		Điện áp sử dụng: 380v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện)IP56						
-		Bảo hành: 12						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
4	0501.01.0015	Bơm / Pump GM0090PQ1MNN, Seri YG6H151026-5-025, P=0,9 mpa lưu lượng 15-30 l/h	Tên hãng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: GM0090PQ1MNN						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Công suất: 0,25kw						
-		Lưu lượng max: 85L/H						
-		Cột áp: 0,7mpa						
-		Đường kính họng xả						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: - Buồng bơm: - Dây quấn:						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí:						
-		Điện áp sử dụng						
-		Tiêu chuẩn (cách điện): F						
-		Bảo hành:						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa]						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu/ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
		chào giá (nếu có)]						
5	0501.01.0016	Bơm / Pump GM0120PQ1MNN, Seri Seri SDAH 150625-3-009, P=0,9mpa lưu lượng 20- 40 l/h	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: GM0120PQ1MNN						
-		Công suất: 0.25kw						
-		Lưu lượng max: 115l/h						
-		Cột áp: 0,7						
-		Đường kính họng xả						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: - Buồng bơm: - Dây quấn:						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí:						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for soliciting bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Điện áp sử dụng: 400v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện) :F						
-		Bảo hành:						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
6	0504.01.0026	Bơm / Pump NM053BY02S12B, Plowrate 6m3/h, P=12 bar, Speed = 283 rpm, Power = 5.5Kw	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương) Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:						
-		Model: NM053BY02S12B						
-		Công suất: 5.5kw						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications for soliciting bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Lưu lượng max: 6m ³						
-		Cột áp: 1,2mpa						
-		Đường kính họng xả						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: - Buồng bơm: - Dây quấn:						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí:						
-		Điện áp sử dụng 400V						
-		Tiêu chuẩn (cách điện): F						
-		Bảo hành:						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
7	1401.01.1898	Bơm chìm/Submersible Pump	Tên hãng: (Nhà thầu)					

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications mời chào bids for soliciting	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
		Model: 50WQ10-15-1.5: Lưu lượng 10m3/h, H=15m, công suất 1.5kw, điện áp 380V, DN 50mm	điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: 50WQ10-15-1.5						
-		Công suất: 1.5KW						
-		Lưu lượng max: 10m3						
-		Cột áp: 15m						
-		Đường kính họng xả: 50mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: HT200 - Buồng bơm: HT200 - Dây quấn: YZW						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: Graphite/silicon carbide, silicon						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./Item Quy cách giá./Specifications for soliciting bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		carbide/silicon carbide + carbon						
-		Điện áp sử dụng: 380V						
-		Tiêu chuẩn (cách điện): F						
-		Bảo hành:						
-		Môi trường hoạt động: nước ngọt						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điện thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điện các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
8	1401.01.1899	Bơm chìm/Submersible Pump Model: 50WQ20-18-2.2: Lưu lượng 20m3/h, H= 18m, công suất 2.2kw, điện áp 380V, DN 50mm	Tên hàng: (Nhà thầu điện quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chỉ tiết quy cách: (Nhà thầu điện quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: 50WQ20-18-2.2:						
-		Công suất: 2.2kw						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Lưu lượng max: 20m3						
-		Cột áp: 18m						
-		Đường kính họng xả: 50mm						
-		Vật liệu cấu tạo - Thân bơm: HT200 - Buồng bơm: HT200 - Dây quấn: :YZW						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: Graphite/silicon carbide, silicon carbide/silicon carbide + carbon						
-		Điện áp sử dụng 380V						
-		Tiêu chuẩn (cách điện):F						
-		Bảo hành:						
-		Môi trường hoạt động: nước ngọt						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điện thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
		chào giá (nếu có)]						
9	1101.01.0977	Máy bơm chìm 1 pha/Single phase submersible pump Model DX100G, Q=18m ³ /h, Hmax=9, 1HP (thép không gỉ)	Tên hãng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
*		Chi tiết quy cách:	Chi tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: DX100G						
-		Công suất 1HP						
-		Lưu lượng max: 18 m ³ /h						
-		Cột áp: 9m						
-		Đường kính họng xả: 50mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: thép không gỉ 316 - Buồng bơm: thép không gỉ 316 - Cánh bơm: thép Duplex - Dây quấn: Đồng bọc lớp chống ăn						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		mòn						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: Silicon Carbide kép chống mài mòn						
-		Điện áp sử dụng: 220v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện) F						
-		Bảo hành: 12 tháng						
-		Môi trường hoạt động: nước mặn (nước biển)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
10	0307.01.0034	Bơm thu bi cao su / Rubber ball collection pump Model: 125JQ-21, Flow 90m3/h, Lift 21m, Rotation Speed 1460v/p, Shaft Power 9.24kw, Suction vacuum height 7.2m, effective 70%, Motor, Y160M-4, 11kw, (kèm cả phốt cơ khí, gioăng)	Tên hàng: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
*		Chỉ tiết quy cách:	Chỉ tiết quy cách: (Nhà thầu điền quy cách chi tiết trong trường hợp chào hàng tương đương)					
-		Model: Model: 125JQ-21						
-		Công suất: 9.24kw						
-		Lưu lượng max: 90m3/h						
-		Cột áp: 21m						
-		Đường kính họng xả: DN100mm						
-		Vật liệu cấu tạo: - Thân bơm: Thép đúc - Buồng bơm: Thép đúc - Dây quấn: Roto lồng sóc						
-		Phốt (vành chèn) cơ khí: (phốt cơ khí)						
-		Điện áp sử dụng: 380v						
-		Tiêu chuẩn (cách điện) IP56						

TT	Mã hàng	Tên vật tư./ Item Quy cách giá./Specifications bids	Quy cách chào giá của Nhà thầu./ Bidding specifications of the Contractor	ĐVT./ Unit	Số lượng./Quantity	Đơn giá chào (chưa bao gồm thuế VAT)/Offered unit price (excluding VAT)	Thành tiền (Chưa bao gồm thuế VAT)/Amount (VAT not included)	Tiến độ cung cấp (ngày)
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[4]*[5]	[8]
-		Bảo hành: 12 tháng						
-		Môi trường hoạt động: không khí (bơm nước mặn)						
-		Xuất xứ: (Nhà thầu điền thông tin cho hàng hóa chào giá)						
-		Các thông tin khác: [Nhà thầu điền các thông tin khác về hàng hóa chào giá (nếu có)]						
		Tổng cộng giá chào trước thuế						
		Thuế VAT (...%)						
		Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế VAT						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]